

Số: 573 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (lĩnh vực Tư pháp) và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính liên thông về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính mới ban hành của ngành Tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC.VTH.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]
Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2020 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. Bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

STT	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ
I	Lĩnh vực hộ khẩu (Công an) (14 TTHC)	
01	Thủ tục khai báo tạm vắng	Thực hiện theo quyết định công bố của Bộ Công an
02	Thủ tục Đăng ký tạm trú đối với cá nhân	
03	Thủ tục Đăng ký tạm trú đối với hộ gia đình (tổ chức)	
04	Thủ tục cấp đổi, cấp lại sổ tạm trú	
05	Thủ tục Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú	
06	Thủ tục lưu trú và tiếp nhận lưu trú	
07	Thủ tục xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú tại địa phương (đã cắt chuyển khẩu hoặc bị xóa tên trong sổ hộ khẩu).	
08	Thủ tục xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú tại địa phương (vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương)	
09	Thủ tục đăng ký thường trú	
10	Thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú	
11	Thủ tục cấp giấy chuyển hộ khẩu	
12	Thủ tục cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu.	
13	Thủ tục tách sổ hộ khẩu	
14	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu	
II	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo (04 TTHC)	

01	Thủ tục đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 01/4/2020
02	Thủ tục sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	
03	Thủ tục đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
04	Thủ tục sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
III	Lĩnh vực Khiếu nại - Tố cáo (04 TTHC)	
01	Thủ tục tiếp dân	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 03/3/2020
02	Thủ tục xử lý đơn thư	
03	Thủ tục giải quyết tố cáo	
04	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 1	
IV	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (04 TTHC)	
01	Thủ tục xác nhận giấy lãnh thay lương hưu trợ cấp bảo hiểm xã hội	Thực hiện theo quyết định công bố của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
02	Thủ tục xác nhận đơn đề nghị chuyển nơi lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng cho công dân chuyển từ địa phương khác đến.	
03	Thủ tục xác nhận đối với đối tượng hưởng chế độ trợ cấp mai táng phí đối với người tham gia BHXH bắt buộc	
04	Thủ tục xác nhận đơn đề nghị hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần	
V	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (09 TTHC)	
01	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội cho đối tượng: trẻ em mồ côi, người già từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội, người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo...	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 20/01/2020
02	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội	

	cho người tàn tật, người bị tâm thần mất tính	
03	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo	
04	Thủ tục xác nhận cấp lại Sổ ưu đãi cho học sinh, sinh viên	
05	Thủ tục lập hồ sơ Đề nghị trợ cấp xã hội thường xuyên cho đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi	
06	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị trợ cấp đột xuất cho đối tượng là những người, hộ gia đình gặp khó khăn do bệnh tật, thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác dẫn đến bị thiệt hại về người, tài sản, lâm vào hoàn cảnh thiếu đói	
07	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị trợ cấp mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội	
08	Đề nghị đưa đối tượng cứu trợ xã hội vào Trung tâm bảo trợ xã hội (Trẻ mồ côi, người già cô đơn, người tâm thần, người tàn tật)	
09	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
VI	Lĩnh vực Người có công (25 TTHC)	<p>Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 20/01/2020</p>
01	Thủ tục xác lập hồ sơ công nhận liệt sỹ	
02	Thủ tục xác nhận cấp lại, đổi Bằng Tổ quốc ghi công	
03	Thủ tục xác nhận cấp lại Sổ ưu đãi cho học sinh, sinh viên	
04	Thủ tục xác nhận đề nghị giải quyết trợ giúp dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng	
05	Thủ tục xác lập hồ sơ công nhận tù đầy	
06	Thủ tục xác lập hồ sơ người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hoá học	
07	Thủ tục xác lập hồ sơ người hoạt động kháng	

	chiến giải phóng dân tộc	
08	Thủ tục xác lập hồ sơ có công giúp đỡ cách mạng	
09	Thủ tục xác lập hồ sơ công nhận thương binh	
10	Thủ tục xác lập hồ sơ người hoạt động kháng chiến, hoạt động cách mạng giải phóng dân tộc, bị địch bắt tù đày chết trước ngày 01/01/1995	
11	Thủ tục xác lập hồ sơ người có công cách mạng từ trần	
12	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị di chuyển hài cốt liệt sỹ	
13	Thủ tục xác nhận giấy đề nghị đi thăm viếng mộ liệt sỹ	
14	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở	
15	Thủ tục lập hồ sơ đề nghị xét cấp sổ ưu đãi trong Giáo dục - Đào tạo cho học sinh sinh viên là con người có công với cách mạng	
16	Thủ tục xác nhận đơn đề nghị xét cấp lại sổ ưu đãi trong giáo dục đào tạo cho học sinh sinh viên là con người có công với cách mạng	
17	Thủ tục xác nhận đơn cấp lại sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng đối với thương binh, thân nhân liệt sỹ, người có công với cách mạng do mất, rách, hư hỏng	
18	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ chưa hưởng chế độ, chính sách	
19	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với thân nhân quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ chưa hưởng chế độ,	

	chính sách	
20	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an, thanh niên xung phong hưởng lương, cán bộ dân chính đảng tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K đã nghỉ hưu.	
21	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với thân nhân của hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an, thanh niên xung phong hưởng lương, cán bộ dân chính đảng tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K đã nghỉ hưu.	
22	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với du kích tập trung ở miền nam (bao gồm cả lực lượng mật) đã về gia đình.	
23	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với thân nhân của du kích tập trung ở miền nam (bao gồm cả lực lượng mật) đã về gia đình.	
24	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định tại Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.	
25	Xác nhận và lập thủ tục thực hiện chế độ mai táng phí đối với các đối tượng quy định tại Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.	
VII	Lĩnh vực nghĩa vụ quân sự (07 TTHC)	
01	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Thực hiện theo quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Quốc phòng
02	Đăng ký bổ sung đối với người sẵn sàng nhập ngũ	
03	Đăng ký di chuyển nghĩa vụ quân sự	
04	Đăng ký vắng mặt đối với người sẵn sàng nhập ngũ	
05	Đăng ký vắng mặt đối với quân nhân dự bị	

06	Đăng ký bổ sung đối với quân nhân dự bị	
07	Đăng ký di chuyển đối với quân nhân dự bị	
VIII	Lĩnh vực Tài chính ngân sách (03 TTHC)	
01	Lập dự toán ngân sách nhà nước	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 29/02/2020
02	Lập quyết toán ngân sách nhà nước	
03	Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước	
IX	Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường (23 TTHC)	
01	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 14/01/2020
02	Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
03	Thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
04	Thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
05	Thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
06	Thủ tục xoá đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
07	Thủ tục gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép.	
08	Thủ tục gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép.	
09	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã, thị trấn (hợp thức hoá quyền sử dụng đất)	
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

	đối với hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất	
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại Điểm k, l Khoản 1 Điều 99 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP	
12	Thủ tục gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp	
13	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân do đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, thay đổi về quyền, thay đổi về nghĩa vụ tài chính	
14	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	
15	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	
16	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đối với hộ gia đình, cá nhân	
17	Thủ tục giao đất trồng cây hàng năm đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp	
18	Thủ tục giao đất, cho thuê đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất vùng đệm của rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình, cá nhân	
19	Thủ tục chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
20	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật đối với hộ gia	

	đình, cá nhân	
21	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
22	Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân	
23	Thủ tục giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân	
X	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (01 TTHC)	
01	Giải quyết các hình thức khen thưởng đột xuất	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định 130/QĐ-UBND ngày 03/3/2020
XI	Lĩnh vực Tôn giáo (06 TTHC)	
01	Đăng ký sinh hoạt đạo Tin lành theo điểm nhóm	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại 130/QĐ-UBND ngày 03/3/2020
02	Thủ tục đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở.	
03	Tiếp nhận thông báo tổ chức lễ hội tín ngưỡng (đối với những lễ hội tín ngưỡng không thuộc quy định tại Điều 4 khoản 1 Nghị định 22/2005/NĐ-CP)	
04	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo đối với trường hợp tổ chức quyên góp trong phạm vi một xã	
05	Thủ tục thông báo việc sửa chữa nhỏ cơ sở tôn giáo (gồm những công trình không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình).	
06	Thủ tục đăng ký người vào tu.	
XII	Lĩnh vực Chứng thực (20 TTHC)	
01	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt hoặc giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định 183/QĐ-UBND

	Nam cấp bằng tiếng Việt có xen một số từ bằng tiếng nước ngoài	ngày 27/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
02	Chứng thực di chúc	
03	Chứng thực hợp đồng bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất	
04	Chứng thực hợp đồng cho mượn nhà ở nông thôn	
05	Chứng thực hợp đồng cho thuê nhà ở nông thôn	
06	Chứng thực hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất.	
07	Chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất	
08	Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
09	Chứng thực hợp đồng đổi nhà ở nông thôn	
10	Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	
11	Chứng thực hợp đồng mua bán nhà ở nông thôn	
12	Chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở nông thôn	
13	Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất	
14	Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở nông thôn	
15	Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất	
16	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
17	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng đã được chứng thực	
18	Chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản	

19	Sửa lỗi kỹ thuật đối với hợp đồng đã được chứng thực	
20	Chứng thực văn bản khai nhận di sản	
XIII	Lĩnh vực Hộ tịch (26 TTHC)	
01	Đăng ký kết hôn	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định 183/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
02	Đăng ký lại việc kết hôn	
03	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
04	Đăng ký kết hôn trong đồng bào dân tộc thiểu số	
05	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
06	Đăng ký khai sinh đúng hạn	
07	Đăng ký lại việc khai sinh	
08	Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi	
09	Đăng ký khai sinh quá hạn	
10	Đăng ký cải chính nội dung Giấy khai sinh của người dưới 14 tuổi	
11	Đăng ký điều chỉnh nội dung Giấy khai sinh	
12	Đăng ký thay đổi họ, tên, chữ đệm trong Giấy khai sinh của người dưới 14 tuổi	
13	Đăng ký bổ sung nội dung Giấy khai sinh	
14	Đăng ký khai tử đúng hạn	
15	Đăng ký khai tử quá hạn	
16	Đăng ký lại việc tử	
17	Đăng ký giám hộ	
18	Đăng ký chấm dứt việc giám hộ	
19	Đăng ký nhận nuôi con nuôi	

20	Đăng ký lại việc nhận nuôi con nuôi	
21	Đăng ký nhận nuôi con nuôi cho người đồng bào dân tộc thiểu số	
22	Đăng ký nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
23	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
24	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	
25	Đăng ký điều chỉnh nội dung giấy tờ hộ tịch khác (không phải Giấy khai sinh)	
26	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	
XIV	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (02 TTHC)	
01	Phê duyệt Điều lệ Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý xã	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định 183/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
02	Thành lập Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý xã	
XV	Lĩnh vực Văn hoá (01 TTHC)	
01	Cấp Giấy công nhận danh hiệu gia đình văn hoá.	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/3/2020
XVI	Lĩnh vực Xây dựng (06 TTHC)	
01	Cấp Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt.	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định 97/QĐ-UBND ngày 21/02/2020
02	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt.	

03	Gia hạn Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt.	
04	Cấp Giấy phép xây dựng tạm nhà ở nông thôn.	
05	Cấp Giấy phép cải tạo, sửa chữa nhà ở nông thôn	
06	Hòa giải, giải quyết tranh chấp đối với các hoạt động xây dựng	
XVII	Lĩnh vực Kế hoạch - Đầu tư (03 TTHC)	
01	Thành lập tổ hợp tác	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 06/4/2020
02	Chấm dứt tổ hợp tác	
03	Thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác	

II. Bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-UBND, ngày 7/9/2015 của UBND tỉnh Kon Tum

STT	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ
1	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Đã được thay thế, chuẩn hóa tại Quyết định 183/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (tạm trú)	

III. Bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

STT	Tên thủ tục hành chính	Lý do bãi bỏ
1	Thủ tục Nhập Quốc tịch Việt Nam cho đối tượng người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam -	

	Lào	Đã được bãi bỏ tại Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp và Bộ Tư pháp đã tổng kết công tác nhập quốc tịch, đăng ký hộ tịch cho người di cư tự do và kết hôn không giá thú theo Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Lào.
2	Thủ tục đăng ký khai sinh cho đối tượng người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào	
3	Thủ tục đăng ký kết hôn cho đối tượng người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào	

Tổng cộng: 163 thủ tục hành chính